

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 524/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Nguyễn Hoàng L; sinh năm 1986

Trú tại: thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện chung sống vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2009. Khi mới sống chung thì bà H có nói với ông L ra sống riêng nhưng ông L không đồng ý nên hai bên có cãi nhau nhưng sau đó bà vẫn tiếp tục chung sống với ông L, bản thân bà sống với ông L nhưng không hề có tiếng nói, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 3 năm 2019 thì bà H ra ngoài sống cho đến nay, trong thời gian ly thân bà và anh Long

không hề có sự quan tâm qua lại nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không cải thiện. Do đó, bà H không thể tiếp tục chung sống với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày: 04/3/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 16/11/2016. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu vì điều kiện kinh tế của ông L đảm bảo. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án ông L trình bày: ông L hoàn toàn đồng ý với lời trình bày trên của bà H về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Ông L thừa nhận giữa ông và bà H trong thời gian chung sống có mâu thuẫn xảy ra và hai bên đã ly thân, thời gian ly thân như bà H trình bày là đúng, trong thời gian ly thân ông thừa nhận hai bên không có sự quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Lý do các bên ly thân là do ông L không đồng ý ra sống riêng mà muốn sống cùng bố mẹ ông, mặc dù bố mẹ ông cho ra ở riêng nhưng ông không muốn ra ở riêng vì bố mẹ ông không ai chăm sóc. Bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.*

Về con chung: có 02 con chung, gồm cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày: 04/3/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 16/11/2016. Nếu ly hôn ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng L theo quy định. Do bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có nơi cư trú tại xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: bà H và ông L chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2009. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời khai của các bên có trong hồ sơ vụ án bà H và ông L đều cho rằng Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, do ông L không đồng ý ra sống riêng mà muốn sống

chung với bố mẹ chồng nên hai bên thường cãi nhau. Bà H đã ra ngoài sống, còn ông L vẫn sống chung với bố mẹ. Ông L và bà H đã sống ly thân liên tục từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân kinh tế độc lập, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Như vậy có cơ sở xác định bà H và ông L đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, hai bên không còn sự tôn trọng yêu thương chăm sóc đối với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ bà H và ông L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[2] Về con chung: có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày: 04/3/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 16/11/2016. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng giao cả 02 cháu cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Bị đơn ông L đồng ý nuôi dưỡng cả 02 cháu. Do đó, cần giao 02 cháu cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên và lợi ích của các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các bên không đặt ra nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét giải quyết

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày: 04/3/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 16/11/2016 cho ông Nguyễn Hoàng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Các bên không đặt ra nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015870 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Điền Thị Hạnh